

Số: 214/ KH-MNPN

Phương Nam, ngày 30 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022 - 2023

- Căn cứ thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục mầm non.

- Căn cứ thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non.

- Căn cứ thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non.

- Căn cứ vào tình hình thực tế, Bộ phận chuyên môn trường mầm non Phương Nam xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2022-2023 các độ tuổi như sau:

1. Kế hoạch giáo dục năm học độ tuổi nhà trẻ 24-36 tháng

Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất		
a) Phát triển vận động		
1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1	1. Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	Hoạt động khác: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Tay giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu		
MT2	2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay	

	đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	
MT3	2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	Hoạt động học: - Đi theo hiệu lệnh đi đều. - Đi theo hiệu lệnh nhanh, chậm. - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi trong đường hẹp. - Đi trong đường hẹp có bê vật trên tay. - Đi bước vào các ô. - Đi kết hợp với chạy - Chạy theo hướng thẳng - Chạy đổi hướng. - Đứng co một chân - Bước lên xuống bậc cao 10 cm - Bước lên xuống bậc cao 15cm - Bước lên xuống bậc có vịn.
MT4	2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.	Hoạt động học: - Tung bắt bóng cùng cô (tung bóng lên cao bằng hai tay). - Tung bóng qua dây. - Tung - bắt bóng cùng cô. (khoảng cách 1,2m - 1,5m) - Ném xa bằng 1 tay - Ném vào đích xa 1m - Ném vào đích xa 1,2 m
MT5	2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	Hoạt động học: - Bò thẳng hướng theo đường hẹp - Bò theo đường ngoằn ngoèo. - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò chui qua cổng - Bò qua vật cản.
MT6	2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu	Hoạt động học: - Nhún bật tại chỗ. - Nhún bật về phía trước

	1,5m).	- Bật qua các ô - Bật qua các vòng - Bật xa bằng hai chân khoảng 15cm
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay		
MT7	3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	Hoạt động khác: - Hướng dẫn trẻ múa khéo đơn giản.
MT8	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	Hoạt động khác: - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón, nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Khâu chuỗi đeo cổ. - Chắp ghép hình. - Chồng xếp 6 - 8 khối. - Tập làm quen với cầm bút, tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt		
MT9	1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	Hoạt động khác: Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. Khuyến khích trẻ ăn hết xuất của mình. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống
MT10	1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.	Hoạt động khác: - Thường xuyên rèn luyện thói quen ngủ một giấc trưa cho trẻ. Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.
MT11	1.3. Đi vệ sinh đúng nơi qui định.	Hoạt động khác: - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định.
2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe		
MT12	2.1. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	Hoạt động khác: - Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn

		chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uốn
MT13	2.2. Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	Hoạt động khác: + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn		
MT14	3.1. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	Hoạt động khác: - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.
MT15	3.2. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở.	Hoạt động khác: - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh
4. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi		
MT16	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Cân nặng: + Trẻ trai: 11,3 - 18,3kg + Trẻ gái: .10,8 - 18,1kg. - Chiều cao: + Trẻ trai: 88,7 - 103,5cm + Trẻ gái: .87,4 - 102,7cm	Hoạt động khác: - Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Khám sức khỏe theo định kỳ. - Cân đo - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ tăng trưởng.
II. Giáo dục phát triển nhận thức		
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan		
MT17	1. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	Hoạt động khác: - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.
MT18	2.1 Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	Hoạt động học: - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi		

MT19	2.2. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	Hoạt động học: - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.
MT20	2.3. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	Hoạt động học: Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT21	2.4 Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	Hoạt động học: - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
MT22	2.5 Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	Hoạt động học: - Màu đỏ, vàng, xanh. - Hình tròn, hình vuông.
MT23	2.6 Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	Hoạt động học: - Kích thước to - nhỏ.

III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

1. Nghe hiểu lời nói

MT24	1.1. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	Hoạt động học: - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Đưa ra các nhiệm vụ phù hợp để trẻ thực hiện. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
MT25	1.2. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)	Hoạt động học: - Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.
MT26	1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân	Hoạt động học: - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.

	vật.	- Kể chuyện cho trẻ nghe - Đàm thoại về nội dung truyện. - Trẻ kể lại đoạn truyện đã được nghe nhiều lần có sự giúp đỡ của cô giáo. - Kể chuyện theo tranh. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu		
MT27	- Trẻ thích nghe và bắt chước các âm thanh.	Hoạt động học: - Nghe âm thanh của các đồ vật, con vật hoặc hiện tượng thiên nhiên. - Bắt chước các âm thanh.
MT28	2.1. Phát âm rõ tiếng.	Hoạt động khác: - Phát âm các âm tiếng Việt. - Sửa phát âm của trẻ. - Nói to, đủ nghe, lễ phép. - Dạy trẻ giao tiếp có văn hóa.
MT29	2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	Hoạt động học: - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp		
MT30	3.1. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	Hoạt động học: - Dạy trẻ nói câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc
MT31	3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: -Chào hỏi, trò chuyện. -Bày tỏ nhu cầu của bản thân. -Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	Hoạt động khác: - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng lời nói - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?,
MT32	3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép.	Hoạt động khác: - Trò chuyện với trẻ.

		- Cô nhắc trẻ nói to, đủ nghe. - Cô thường xuyên giáo dục trẻ lễ phép
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ		
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân		
MT33	1.1. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	Hoạt động học: - Cho trẻ giới thiệu về mình. - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.
MT34	1.2 Thể hiện điều mình thích và không thích.	Hoạt động khác: - Trò chuyện những điều thích và không thích. - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi		
MT35	2.1. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	Hoạt động khác: - Giao tiếp với những người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi
MT36	2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	Hoạt động khác: - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. - Soi gương và tự thể hiện các trạng thái cảm xúc. - Tô màu, dán các khuôn mặt có biểu cảm khác nhau. - Chơi các trò chơi giả bộ, phân vai.
MT37	2.3. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	Hoạt động khác: - Hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - Kể chuyện, đọc thơ, trò chuyện
MT38	2.4. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	Hoạt động khác: - Bắt chước tiếng kêu các con vật. - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.

		- Quan tâm đến các vật nuôi
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản		
MT39	3.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă.	Hoạt động khác: Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ă”;
MT40	3.2. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	Hoạt động khác: - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.
MT41	3.3. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	Hoạt động khác: - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. không cắn cào bạn
MT42	3.4. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	Hoạt động khác: - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói
4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh		
MT43	4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	Hoạt động học: Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
MT44	4.2. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	Hoạt động học: - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Tập phết hồ và dán các hình để tạo ra các sản phẩm có màu sắc. - Chơi với đất nặn, khuyến khích trẻ nặn thành sản phẩm. - Tập xếp hình: xếp chồng, xếp cạnh nhau... Hoạt động khác: - Xem tranh. ảnh

THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN
NĂM HỌC 2022 - 2023
Nhà trẻ 24-36 THÁNG: GỒM 10 CHỦ ĐỀ
Phân phối chương trình 35 tuần: Từ ngày 05/09/2022 – 24/5/2023

TT	Tên chủ đề	Số tuần/ chủ đề	Tuần	Số ngày/ tuần thực hiện	Các sự kiện
1	Bé và các bạn	4	Tuần 1	05/9 - 9/9/2022	<i>Trung Thu 15/8 âm lịch ngày 10/9 (Thứ 7)</i>
			Tuần 2	12/9 - 16/9/2022	
			Tuần 3	19/9 - 23/9/2022	
			Tuần 4	26/9 - 30/9/2022	
2	Đồ chơi của bé	3	Tuần 5	03/10 - 7/10/2022	<i>Ngày thành lập HLHPN Việt Nam: ngày 20/10 (Thứ 5)</i>
			Tuần 6	10/10 - 14/10/2022	
			Tuần 7	17/10 - 21/10/2022	
3	Các cô các bác trong nhà trẻ	3	Tuần 8	24/10 - 28/10/2022	
			Tuần 9	31/10 - 04/11/2022	
			Tuần 10	7/11 - 11/11/2022	
4	Mẹ và những người thân yêu	4	Tuần 11	14/11 - 18/11/2022	<i>Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 (Chủ nhật)</i>
			Tuần 12	21/11 - 25/11/2022	
			Tuần 13	28/11 - 02/12/2022	
			Tuần 14	05/12 - 9/12/2022	
5	Những con vật đáng yêu	4	Tuần 15	12/12 - 16/12/2022	<i>- Ngày thành lập QĐNDVN: Thứ 5 ngày 22/12</i>
			Tuần 16	19/12 - 23/12/2022	
			Tuần 17	26/12 - 30/12/2022	
			Tuần 18	2/01/2023 - 6/01/2023	<i>- Kết thúc HK I: Ngày 06/01/2023</i>
6	Tết và mùa xuân	3	Tuần 19	9/01 - 13/01/2023	<i>- Ngày 09/01/2023: Bắt đầu HKII</i>

Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 16/01 - 27/01/2023					
			Tuần 20	30/01 - 03/02/2023	- Khai hội chùa Ba Vàng, khai hội chùa Yên Tử
			Tuần 21	06/02 - 10/02/2023	
7	Cây và những bông hoa	4	Tuần 22	13/02 - 17/02/2023	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 (Thứ 3)
			Tuần 23	20/02 - 24/03/2023	
			Tuần 24	27/02 - 03/03/2023	
			Tuần 25	06/03 - 10/03/2023	
8	Bé có thể đi khắp nơi bằng phương tiện nào?	4	Tuần 26	13/03 - 17/03/2023	
			Tuần 27	20/3 - 24/03/2023	
			Tuần 28	27/3 - 31/3/2023	
			Tuần 29	03/04 - 07/04/2023	
9	Thiên nhiên quanh bé	3	Tuần 30	10/04 - 14/04/2023	Nghỉ Lễ 30/4 (Chủ nhật) Giỗ Tổ Hùng Vương 10/3/2022 âm lịch (29/4)
			Tuần 31	17/4 - 21/4/2023	
			Tuần 32	24/04 - 28/4/2023	
10	Bé lên mẫu giáo	3	Tuần 33	1/5/2023-5/5/2023	Nghỉ lễ 1/5 (Thứ 2) - Sinh nhật Bác (19/5) - Kết thúc học kỳ II: 24/5/2022 (Thứ 6)
			Tuần 34	8/5/2023- 12/5/2023	
			Tuần 35	15/5/2023-19/5/2023	
				22/5/2023-24/5/2023	

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG PHÊ DUYỆT
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thanh Huyền

Phương Nam, ngày 30 tháng 8 năm 2022
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Bùi Phi Nga

2. Kế hoạch giáo dục năm học độ tuổi mẫu giáo 3-4 tuổi

Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất		
a) Phát triển vận động		
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	Hoạt động học: - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. + Cúi về phía trước. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		
MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3m.	Hoạt động học: - Đi và chạy: + Đi kiễng gót. + Đi trong đường hẹp.
MT3	2.2. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dẫn) không chệch ra ngoài.	Hoạt động học: + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.
MT4	2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). - Tự đập - bắt bóng 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)	Hoạt động học: - Tung, ném, bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô.

MT5	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	Hoạt động học: - Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc. + Bò chui qua cổng. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.
MT6	Trẻ thực hiện được thao tác bật- nhảy; giữ được thăng bằng khi bật	Hoạt động học: + Bật nhảy tại chỗ + Bật tiến về phía trước + Bật xa 20-25 cm + Bật qua vật cản

3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt

MT7	3.1. Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.	Hoạt động khác: - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.
MT8	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	Hoạt động học: - Tô vẽ nguyệt xích ngoạc. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. Hoạt động khác: - đan, tết. - xếp Chồng các Hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - sử dụng kéo, bút. - cài, cởi cúc. - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Tô vẽ nguyệt xích ngoạc. - Cài, cởi cúc.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

MT9	1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	Hoạt động học: - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. (Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)
-----	--	--

MT10	1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	Hoạt động học: - Tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...
MT11	1.3. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	Hoạt động học: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
MT12	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo...	Hoạt động khác: - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tháo tất, cởi quần, áo - Diễn đạt nhu cầu cá nhân - Ký hiệu cá nhân.
MT13	2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	Hoạt động khác: - Dạy trẻ cầm bát, thìa xúc cơm ăn gọn gàng. - Cầm cốc uống nước không làm đổ nước ra ngoài.
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
MT14	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	Hoạt động khác: Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định...
MT15	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	Hoạt động học: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.

		- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
MT16	Trẻ biết cách phòng chống dịch Covid-19 và một số bệnh thường gặp	Hoạt động khác: + Vệ sinh cá nhân + Vệ sinh môi trường + Nhận biết một số biểu hiện sốt, ho... + Chấp hành tiêm phòng Covid-19
MT17	Biết chọn thực phẩm sạch, tươi ngon có lợi cho sức khỏe	Hoạt động học: - Lựa chọn thực phẩm sạch, tươi ngon có lợi cho sức khỏe
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
MT18	4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.	Hoạt động học: - Nhận biết và tránh một số vận dụng nguy hiểm như: Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...
MT19	4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	Hoạt động học: - Nhận biết và phòng tránh một số khu vực nguy hiểm, những nơi không an toàn. - Khu vực an toàn trường học, nơi lánh nạn khi có thiên tai
MT20	4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	Hoạt động học: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống; - Không leo trèo bàn ghế lan can; - Không nghịch các vật sắc nhọn; - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.

5. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi		
MT21	- Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: + Trẻ trai: Chiều cao: 107cm đến 119,2cm; Cân nặng: 14,1 đến 24,2kg. + Trẻ gái: Chiều cao: 99,9cm đến 118,9cm; Cân nặng: 13,7 kg đến 14,9kg	Hoạt động khác: + Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu của trẻ theo độ tuổi. + Trẻ được khám sức khỏe định kỳ theo qui định. + Trẻ được cân đo theo định kỳ. + Trẻ được đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ trên biểu đồ chính xác.
II. Giáo dục phát triển nhận thức		
a) Khám phá khoa học		
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
MT22	1.1. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	Hoạt động học: - Tò mò, thích quan sát các sự vật, hiện tượng. - Thích đặt các câu hỏi vì sao? Thế nào ? Đây là con gì ? Cái gì ? - Chờ đợi các câu trả lời của người lớn. - Tích cực hoạt động với các đồ vật: Cầm , nắm, sờ mó... - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
MT23	1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	Hoạt động học: - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
MT24	1.3. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	Hoạt động học: - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Thả các vật vào nước để nhận biết vật

		chìm hay nổi.
MT25	Biết và thực hiện được một số quy định về an toàn giao thông nơi công cộng	Hoạt động học: Một số biển báo giao thông Hoạt động khác: Quy định an toàn khi tham gia giao thông Một số quy định khi tham gia giao thông: Đi ô tô, xe buýt (Xếp hàng, mua vé....)
MT26	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	Hoạt động học: - Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, xem tranh, băng hình, trò chuyện. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.
MT27	1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	Hoạt động học: - Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.
MT28	Trẻ biết tên và dấu hiệu của một số hiện tượng thời tiết, thiên tai thường xảy ra ở địa phương (Nóng, lạnh, mưa bão, sắp chớp...)	Hoạt động khác: Nhận ra dấu hiệu một số hiện tượng thời tiết thiên tai thường xảy ra ở địa phương (Nóng, lạnh, mưa bão, sắp, chớp...)
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
MT29	2. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	Hoạt động học: - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.
MT30	Trẻ được tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến (Montessori , Stem, Reggio Emilia....)	Hoạt động học: - Các giai đoạn phát triển của bé. - Vì sao xe máy chạy được? Hoạt động khác: - Các hoạt động trải nghiệm, khám phá - Điều gì xảy ra nếu bạn đặt một đồng xu trong một cốc nước đầy? Cái gì sẽ tan ở trong nước?; Các lớp chất lỏng;

		- Chơi góc sách truyện
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
MT31	3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	Hoạt động học: - một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.
MT32	3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	Hoạt động khác: - Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh ...) - Hát các bài hát về cây, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
1. Nhận biết số đếm, số lượng		
MT33	1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	Hoạt động học: - Tận dụng mọi cơ hội cho trẻ đếm mọi lúc mọi nơi. - Gợi ý cho trẻ hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.
MT34	1.2. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	Hoạt động học: - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.
MT35	1.3. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	Hoạt động học: - So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn - Nhận biết 1 và nhiều
MT36	1.4. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	Hoạt động học: - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm
MT37	1.5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	Hoạt động học: - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
2. Sắp xếp theo qui tắc		
MT38	2. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	Hoạt động học: - Xếp tương ứng 1-1 - Ghép đôi.

		- Xếp xen kẽ - Phân loại
3. So sánh hai đối tượng		
MT39	3. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	Hoạt động học: - So sánh 2 đối tượng về kích thước.
4. Nhận biết hình dạng		
MT40	4. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	Hoạt động học: - Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để ghép.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT41	5. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	Hoạt động học: - Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.
c) Khám phá xã hội		
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT42	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Tên, tuổi, giới tính của bản thân.
MT43	1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	Hoạt động học: - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.
MT44	1.3. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	Hoạt động học: - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.
MT45	1.4. Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
MT46	2. Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	Hoạt động học: - Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến - Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu: Dự báo thời

		tiết, vệ sinh môi trường...
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
MT47	3.1. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	Hoạt động học: - Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.
MT48	3.2. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	Hoạt động học: - Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
1. Nghe hiểu lời nói		
MT49	1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	Hoạt động học: - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
MT50	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	Hoạt động học: - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
MT51	1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	Hoạt động học: - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
MT52	2.1. Nói rõ các tiếng.	Hoạt động học: - Phát âm các tiếng của Tiếng Việt.
MT53	Tẻ biết kể chuyện sáng tạo	Hoạt động khác: - Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định.
MT54	2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	Hoạt động học: - Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc

		điểm.
MT55	2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	Hoạt động học: Sử dụng câu đơn, câu mở rộng để bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết
MT56	2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	Hoạt động học: - Kể lại sự việc đơn giản 1-2 tình tiết
MT57	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	Hoạt động học: - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Giải được một số câu đố đơn giản về con vật, sự vật gần gũi quen thuộc
MT58	2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	Hoạt động học: - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ
MT59	2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	Hoạt động học: - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
MT60	2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	Hoạt động khác: - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
MT61	2.9. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	Hoạt động khác: - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
3. Làm quen với đọc, viết		
MT62	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	Hoạt động học: - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.
MT63	3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	Hoạt động học: - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.

		- Giữ gìn sách
MT64	3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	Hoạt động học: - Tiếp xúc với chữ, sách truyện + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội		
1. Thể hiện ý thức về bản thân		
MT65	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	Hoạt động học: - Tên, tuổi, giới tính.
MT66	1.2. Nói được điều bé thích, không thích.	Hoạt động học: - Những điều bé thích, không thích.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT67	2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	Hoạt động học: - Kể về bản thân thông qua những câu hỏi gợi mở của cô
MT68	2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi, ...).	Hoạt động khác: - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao: Xếp đồ chơi, chia giấy vẽ, chia màu....
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT69	3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	Hoạt động học: - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
MT70	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	Hoạt động học: - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.
MT71	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	Hoạt động học: - Kính yêu Bác Hồ.
MT72	3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	Hoạt động học: Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT73	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời	Hoạt động học: - Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).

	bố mẹ.	- Yêu mến Bố, mẹ , anh, chị, em ruột.
MT74	Không tin tưởng và đi theo người lạ trong bất cứ tình huống nào.	Hoạt động học: - Cảnh giác với một số chiêu trò dụ dỗ, lừa đảo của trẻ bắt cóc. - Bình tĩnh trong mọi tình huống nguy hiểm. - Một số cách thoát thân khi gặp tình huống nguy hiểm.
MT75	4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	Hoạt động học: - Có cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “Xấu”.
MT76	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Hoạt động khác: - Chú ý lắng nghe cô giáo nói, không ngắt lời. - Chú ý lắng nghe bạn nói, không chen ngang. - Chờ đến lượt.
MT77	4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	Hoạt động học: Chơi hòa thuận với bạn. - Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. - Giúp đỡ bạn cùng chơi
MT78	Trẻ biết phòng ngừa thoát khỏi tình trạng về bạo hành tinh thần, sao nhãng, thể chất.	Hoạt động học: Phòng ngừa thoát khỏi tình trạng về bạo hành tinh thần, sao nhãng, thể chất

5. Quan tâm đến môi trường

MT79	5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	Hoạt động học: - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
MT80	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	Hoạt động học: - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bỏ rác đúng nơi quy định. - Tiết kiệm điện, nước.

V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

MT81	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	Hoạt động học: - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT82	1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện	Hoạt động học: - Nghe bài hát, bản nhạc; thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; kể chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề thực hiện - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
MT83	1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Vui sướng chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (Về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT84	2.1. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	Hoạt động học: - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.
MT85	- Trẻ biết tô đều màu, mịn màu, biết phối hợp màu sắc khi tô	Hoạt động học: - Trẻ biết cách tô màu tranh .
MT86	2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	Hoạt động học: - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
MT87	2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	Hoạt động học: - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm - Sử dụng một số kĩ năng lựa chọn màu, tô màu để tạo ra sản phẩm đơn giản
MT88	2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	Hoạt động học: - Sử dụng một số kĩ năng vẽ, để tạo ra sản

		phẩm đơn giản.
MT89	2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	Hoạt động học: - Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT90	2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	Hoạt động học: - Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối
MT91	2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	Hoạt động học: - Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT92	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Nhận xét sản phẩm tạo hình của mình, của bạn
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
MT93	3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	Hoạt động học: - Vận động đơn giản theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc
MT94	3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Hoạt động học: - Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.
MT95	3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Đặt tên cho sản phẩm của mình.

THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN
NĂM HỌC 2022 - 2023
ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 3-4 TUỔI : GỒM 10 CHỦ ĐỀ
Phân phối chương trình 35 tuần: Từ ngày 05/09/2022 – 24/5/2023

TT	Tên chủ đề	Số tuần/ chủ đề	Tuần	Số ngày/ tuần thực hiện	Các sự kiện
1	Trường Mầm non	3	Tuần 1	05/9 - 09/9/2022	<i>Trung Thu: Thứ 7 ngày 10/9 (15/8 âm lịch)</i>
			Tuần 2	12/9 - 16/9/2022	
			Tuần 3	19/9 - 23/9/2022	
2	Bản thân	3	Tuần 4	26/9 - 30/9/2022	
			Tuần 5	03/10 - 7/10/2022	
			Tuần 6	10/10 - 14/10/2022	
3	Gia đình	4	Tuần 7	17/10 - 21/10/2022	<i>Ngày thành lập HLHPN Việt Nam: Thứ 5 ngày 20/10</i>
			Tuần 8	24/10 - 28/10/2022	
			Tuần 9	31/10 - 04/11/2022	
			Tuần 10	07/11 - 11/11/2022	
4	Nghề nghiệp	4	Tuần 11	14/11 - 18/11/2022	<i>Ngày nhà giáo Việt Nam: 20/11 (Chủ nhật)</i>
			Tuần 12	21/11 - 25/11/2022	
			Tuần 13	28/11 - 02/12/2022	
			Tuần 14	05/12 - 9/12/2022	
5	Giao thông	4	Tuần 15	12/12 - 16/12/2022	<i>- Ngày thành lập QĐNDVN 22/12 (Thứ 5) - Kết thúc HK I: Ngày 06/01/2023</i>
			Tuần 16	19/12 - 23/12/2022	
			Tuần 17	26/12 - 30/12/2022	
			Tuần 18	02/01/2023-6/01/2023	
			Tuần 19	09/01 - 13/01/2023	
	Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 16/01 - 27/01/2023				

6	Tết và mùa xuân	3	Tuần 19	09/01 - 13/01/2023	- Ngày 09/01/2023: Bắt đầu HKII - Khai hội chùa Ba Vàng, khai hội chùa Yên Tử
			Tuần 20	30/01 - 03/02/2023	
			Tuần 21	06/02 - 10/02/2023	
7	Thế giới thực vật	4	Tuần 22	13/02 - 17/02/2023	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 (Thứ 4)
			Tuần 23	20/02 - 24/03/2023	
			Tuần 24	27/02 - 03/03/2023	
			Tuần 25	06/03 - 10/03/2023	
8	Thế giới động vật	4	Tuần 26	13/03 - 17/03/2023	
			Tuần 27	20/03 - 24/03/2023	
			Tuần 28	27/03 - 31/3/2023	
			Tuần 29	03/04 - 07/04/2023	
9	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	3	Tuần 30	10/04 - 14/04/2023	Giỗ Tổ Hùng Vương 10/3/2022 âm lịch (29/4) Nghỉ Lễ 30/4 (chủ nhật)
			Tuần 31	17/04 - 21/4/2023	
			Tuần 32	24/04 - 28/4/2023	
10	Quê hương, đất nước, Bác Hồ	3	Tuần 33	01/5/2023-05/5/2023	Nghỉ Lễ 1/5 (Thứ 2) - Kết thúc học kỳ II: 24/5/2022 (Thứ 6)
			Tuần 34	08/5/2023- 12/5/2023	
			Tuần 35	15/5/2023-19/5/2023	
				22/5/2023-24/5/2023	

HỘI ĐỒNG TRƯỞNG PHÊ DUYỆT
CHỦ TỊCH

Phương Nam, ngày 30 tháng 8 năm 2022
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Huyền

Bùi Phi Nga

4. Kế hoạch giáo dục năm học độ tuổi mẫu giáo 4-5 tuổi

Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất		
a) Phát triển vận động		
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1	1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	Hoạt động khác: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Nhún chân. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động		
MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	Hoạt động học: -Đi trên ghế thể dục (đầu đội túi cát) T1 -Đi bước dòn trước - bước dòn ngang

		-Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Những chú kiến tha mồi
MT3	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	Hoạt động học: + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m. + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Chạy chậm 60 - + Chạy chậm 60 - 80m. -Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Những chú kiến tha mồi
MT4	2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/ bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	Hoạt động học: + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. + Ném trúng đích bằng 1 tay.
MT5	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	Hoạt động học: + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m. + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.
MT6	Trẻ thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động Bật- nhảy	Hoạt động học: - Bật nhảy + Bật liên tục về phía trước + Bật xa 35-40cm + Bật- nhảy từ trên cao xuống 30-35 cm

		+ Bật tách chân, khép chân qua 5 ô + Bật qua vật cản cao 10-15cm + Nhảy lò cò 3m
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt		
MT7	3.1. Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.	Hoạt động khác: - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi...
MT8	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	Hoạt động khác: - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
MT9	1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	Hoạt động học: - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).
MT10	1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo....	Hoạt động học: - Tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến: rau luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo..... - Tên một số món ăn: luộc, xào có lợi cho sức khỏe khi thay đổi thời tiết -
MT11	1.3. Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	Hoạt động khác: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
MT12	2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà	Hoạt động khác: - Tập đánh răng, lau mặt.

	phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
MT13	2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	Hoạt động khác: + Cầm cốc, rót nước + Xúc cơm
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
MT14	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	Hoạt động khác: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã. - Phân biệt thực phẩm/ thức ăn sạch, an toàn. - Một số cách bảo quản thực phẩm/ thức ăn đơn giản
MT15	Trẻ biết cách phòng chống dịch Covid-19 và một số bệnh thường gặp	Hoạt động khác: + Vệ sinh cá nhân + Vệ sinh môi trường + Nhận biết một số biểu hiện sốt, ho... + Chấp hành tiêm phòng Covid-19
MT16	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.	Hoạt động khác: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
MT17	4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	Hoạt động học: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến

		tính mạng.
MT18	4.2. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	Hoạt động học: - Nơi nguy hiểm: + Hồ. + Ao. + Bể chứa nước. + Hồ vôi
MT19	4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	Hoạt động khác: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.. - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
MT20	4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	Hoạt động khác: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
5. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi		
MT21	- Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: + Trẻ trai: Chiều cao: 107cm đến 119,2cm; Cân nặng: 14,1 đến 24,2kg. + Trẻ gái: Chiều cao: 99,9cm đến 118,9cm; Cân nặng: 13,7 kg đến 14,9kg	Hoạt động khác: + Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu của trẻ theo độ tuổi. + Khám sức khỏe định kỳ theo qui định. + Cân đo theo định kỳ. + Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ trên biểu đồ chính xác.
II. Giáo dục phát triển nhận thức		

a) Khám phá khoa học		
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
MT22	1.1. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?....	Hoạt động khác: - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Quan sát, chú ý đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?”; “Vì sao lá cây bị ướn?”... - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm
MT23	1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	Hoạt động học: - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
MT24	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	Hoạt động học: - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
MT25	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng	Hoạt động học:

	bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi
MT26	1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	Hoạt động học: - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.
MT27	Biết và thực hiện được một số quy định an toàn ở nơi công cộng	Hoạt động học: - Một số biển báo giao thông Hoạt động khác: Quy định an toàn khi tham gia giao thông Một số dịch vụ khi tham gia giao thông: Đi ô tô, xe buýt phải mua vé, xếp hàng; Nhường ghế cho người già, trẻ em.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
MT28	2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”	Hoạt động khác: - Làm một số thí nghiệm về nước: tính chất của nước, một vài chất tan trong nước; vật chìm vật nổi, Quả trứng kì diệu, Biến đổi màu sắc.
MT29	Trẻ được tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến (Montessori , Stem, Reggio Emilia....)	Hoạt động học: - Các hoạt động trải nghiệm, khám phá - Các giai đoạn phát triển của bé. - Vì sao xe máy chạy được? - Điều gì xảy ra nếu bạn đặt một đồng xu trong một cốc nước đầy? Cái gì sẽ tan ở trong nước?; Các lớp chất lỏng;
MT30	2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	Hoạt động học: Giấy có thể đi dưới nước mà không bị ướt không?; Trứng gà trong nước (có muối và không có muối)?; Làm thế

		nào để một vật có thể nổi? - Điều gì xảy ra nếu bạn đặt một đồng xu trong một cốc nước đầy? Cái gì sẽ tan ở trong nước?; Các lớp chất lỏng;
MT31	Trẻ biết tên và dấu hiệu của một số hiện tượng thời tiết, thiên tai thường xảy ra ở địa phương (Nóng, lạnh, mưa bão, sập chóp...)	Hoạt động học: - Nhận ra dấu hiệu một số hiện tượng thời tiết thiên tai thường xảy ra ở địa phương (Nóng, lạnh, mưa bão, sập, chóp...)

3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau

MT32	3.1. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	Hoạt động học: - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - Một số loại rau, - Một số loại cây. - Quá trình phát triển của cây từ hạt - Vòng đời phát triển của bướm - Phân biệt một số loại PTGT. Hoạt động khác: - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Các giai đoạn phát triển của bé.
MT33	3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Hoạt động học: - Nhận biết được đối tượng qua hoạt động tạo hình âm nhạc

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

1. Nhận biết số đếm, số lượng

MT34	1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	Hoạt động học: - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
MT35	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi	Hoạt động học:

	10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
MT36	1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	Hoạt động học: + So sánh số lượng mới và số lượng đã biết.
MT37	1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	Hoạt động học: - Gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và đếm nói kết quả
MT38	1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	Hoạt động học: - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
MT39	1.6. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	Hoạt động học: * Làm quen với tập hợp, số lượng, số thứ tự và số đếm: - Đếm số lượng:
MT40	1.7. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Hoạt động học: - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).
2. Sắp xếp theo qui tắc		
MT41	2. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	Hoạt động học: - Xếp tương ứng 1 - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. -1, ghép đôi.
3. So sánh hai đối tượng		
MT42	3. Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	Hoạt động học: - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.
4. Nhận biết hình dạng		
MT43	4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,).	Hoạt động học: - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
MT44	4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để	Hoạt động học:

	tạo ra các hình đơn giản.	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
--	---------------------------	---

5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian

MT45	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	Hoạt động học: - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).
MT46	5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Hoạt động học: - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.

c) Khám phá xã hội

1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng

MT47	1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
MT48	1.2. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	Hoạt động học: - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
MT49	1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Nói được địa chỉ của gia đình mình. (Số nhà, đường phố, thôn xóm) khi được hỏi, trò chuyện
MT50	1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
MT51	1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Nói được tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
MT52	1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các	Hoạt động học:

	bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
MT53	2. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
MT54	3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	Hoạt động học: - Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước
MT55	3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	Hoạt động học: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
1. Nghe hiểu lời nói		
MT56	1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	Hoạt động học: - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.
MT57	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	Hoạt động học: - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm: rau quả, con vật, đồ gỗ...
MT58	1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	Hoạt động học: - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
MT59	2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	Hoạt động học: - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.

MT60	Tẻ biết kể chuyện sáng tạo	Hoạt động học: - Kể sáng tạo theo tranh - Kể sáng tạo theo đồ dùng đồ chơi - Kể nối tiếp
MT61	2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	Hoạt động học: - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì? - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
MT62	2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	Hoạt động học: - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
MT63	2.4. Kể lại sự việc theo trình tự.	Hoạt động học: - Trẻ biết mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
MT64	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	Hoạt động học: - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT65	2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	Hoạt động học: - Kể lại truyện đã được nghe.
MT66	2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	Hoạt động học: Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
MT67	2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	Hoạt động khác: Mời cô, mời bạn, nói lời cảm, xin lỗi trong giao tiếp
MT68	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	Hoạt động học: - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở
3. Làm quen với đọc, viết		
MT69	3.1. Chọn sách để xem.	Hoạt động khác: - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
MT70	3.2. Mô tả hành động của các nhân vật	Hoạt động học:

	trong tranh.	- Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.
MT71	3.3. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	Hoạt động học: - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
MT72	3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,...	Hoạt động học: - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Nhận dạng một số chữ cái.
MT73	3.5. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,...	Hoạt động học: - Tập tô, tập đồ các nét chữ

IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

1. Thể hiện ý thức về bản thân

MT74	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	Hoạt động học: - Tên, tuổi, giới tính.
MT75	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	Hoạt động học: - Sở thích, khả năng của bản thân.

2. Thể hiện sự tự tin, tự lực

MT76	2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	Hoạt động học: - Tự lựa chọn đồ chơi/ trò chơi theo ý thích
MT77	2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	Hoạt động khác: - Đội mũ bảo hiểm - Lên/xuống xe máy an toàn - Quét nhà - Lau sàn nhà - Gấp quần áo - Gấp chăn nhỏ - Hoa quả dầm - Nhặt rau

3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh

MT78	3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	Hoạt động học: - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
MT79	3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	Hoạt động học: - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
MT80	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	Hoạt động học: - Kính yêu Bác Hồ.
MT81	3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Hoạt động học: Hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác hồ.
MT82	3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	Hoạt động học: - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.

4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội

MT83	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	Hoạt động học: - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).
MT84	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Hoạt động học: - Lời nói và cử chỉ lễ phép trong giao tiếp - Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.
MT85	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	Hoạt động học: - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
MT86	4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	Hoạt động học: - Chờ đến lượt, hợp tác.
MT87	4.5. Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi,	Hoạt động học: - Phối hợp cùng bạn trong chơi, trực

	trực nhật...).	nhật.
MT88	Trẻ biết phòng ngừa thoát khỏi tình trạng về bạo hành tinh thần, sao nhãng, thể chất.	Hoạt động học: - Phòng ngừa thoát khỏi tình trạng về bạo hành tinh thần, sao nhãng, thể chất

5. Quan tâm đến môi trường

MT89	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Hoạt động học: - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
MT90	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	Hoạt động học: - Giữ gìn vệ sinh môi trường
MT91	5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.	Hoạt động khác: Chăm sóc cây, hoa, không bứt lá, bẻ cành
MT92	5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	Hoạt động học: - Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tắt điện khi ra khỏi phòng. - Cách bảo vệ nguồn nước

V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

MT93	1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Hoạt động học: - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT94	Thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, môi trường	Hoạt động học: - Chăm sóc cây xanh thăm cỏ trong lớp,
MT95	1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	Hoạt động học: - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.

		- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT96	1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Nói cảm nhận về vẻ đẹp nổi bật của tác phẩm tạo hình
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT97	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	Hoạt động học: - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
MT98	- Trẻ biết tô đều màu, mịn màu, biết phối hợp màu sắc khi tô	Hoạt động học: Hoạt động tạo hình: Tô màu tranh
MT99	2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	Hoạt động học: - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
MT100	2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	Hoạt động học: - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
MT101	2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	Hoạt động học: - Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT102	2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	Hoạt động học: Xe, cắt, dán tạo thành sản phẩm có màu sắc, bố cục
MT103	2.6. Làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	Hoạt động học: - Sử dụng các kĩ năng nặn, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT104	2.7. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	Hoạt động học: Sử dụng phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.
MT105	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về	Hoạt động học:

	màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
MT106	3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	Hoạt động học: - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
MT107	3.2. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	Hoạt động học: - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT108	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Hoạt động học: - Làm đồ chơi - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
MT109	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Đặt tên cho sản phẩm của mình.

THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN
NĂM HỌC 2022 - 2023
ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 4-5 TUỔI : GỒM 10 CHỦ ĐỀ
Phân phối chương trình 35 tuần: Từ ngày 05/09/2022 – 24/5/2023

TT	Tên chủ đề	Số tuần/ chủ đề	Tuần	Số ngày/ tuần thực hiện	Các sự kiện
1	Trường Mầm non	3	Tuần 1	05/9 - 09/9/2022	<i>Trung Thu: Thứ 7 ngày 10/9 (15/8 âm lịch)</i>
			Tuần 2	12/9 - 16/9/2022	
			Tuần 3	19/9 - 23/9/2022	
2	Bản thân	3	Tuần 4	26/9 - 30/9/2022	
			Tuần 5	03/10 - 7/10/2022	
			Tuần 6	10/10 - 14/10/2022	
3	Gia đình	4	Tuần 7	17/10 - 21/10/2022	<i>Ngày thành lập HLHPN Việt Nam: Thứ 5 ngày 20/10</i>
			Tuần 8	24/10 - 28/10/2022	
			Tuần 9	31/10 - 04/11/2022	
			Tuần 10	07/11 - 11/11/2022	
4	Nghề nghiệp	4	Tuần 11	14/11 - 18/11/2022	<i>Ngày nhà giáo Việt Nam: 20/11 (Chủ nhật)</i>
			Tuần 12	21/11 - 25/11/2022	
			Tuần 13	28/11 - 02/12/2022	
			Tuần 14	05/12 - 9/12/2022	
5	Giao thông	4	Tuần 15	12/12 - 16/12/2022	<i>- Ngày thành lập QĐNDVN 22/12 (Thứ 5) - Kết thúc HK I: Ngày 06/01/2023</i>
			Tuần 16	19/12 - 23/12/2022	
			Tuần 17	26/12 - 30/12/2022	
			Tuần 18	02/01/2023-6/01/2023	
			Tuần 19	09/01 - 13/01/2023	
	Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 16/01 - 27/01/2023				
6	Tết và mùa xuân	3	Tuần 19	09/01 - 13/01/2023	<i>- Ngày 09/01/2023:</i>

			Tuần 20	30/01 - 03/02/2023	Bắt đầu HKII - Khai hội chùa Ba Vàng, khai hội chùa Yên Tử
			Tuần 21	06/02 - 10/02/2023	
7	Thế giới thực vật	4	Tuần 22	13/02 - 17/02/2023	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 (Thứ 4)
			Tuần 23	20/02 - 24/03/2023	
			Tuần 24	27/02 - 03/03/2023	
			Tuần 25	06/03 - 10/03/2023	
8	Thế giới động vật	4	Tuần 26	13/03 - 17/03/2023	
			Tuần 27	20/03 - 24/03/2023	
			Tuần 28	27/03 - 31/3/2023	
			Tuần 29	03/04 - 07/04/2023	
9	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	3	Tuần 30	10/04 - 14/04/2023	Giỗ Tổ Hùng Vương 10/3/2022 âm lịch (29/4) Nghỉ Lễ 30/4 (chủ nhật)
			Tuần 31	17/04 - 21/4/2023	
			Tuần 32	24/04 - 28/4/2023	
10	Quê hương, đất nước, Bác Hồ	3	Tuần 33	01/5/2023-05/5/2023	Nghỉ Lễ 1/5 (Thứ 2) - Kết thúc học kỳ II: 24/5/2022 (Thứ 6)
			Tuần 34	08/5/2023- 12/5/2023	
			Tuần 35	15/5/2023-19/5/2023	
				22/5/2023-24/5/2023	

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG PHÊ DUYỆT
CHỦ TỊCH**

Phương Nam, ngày 30 tháng 8 năm 2022
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Huyền

Bùi Phi Nga

5. Kế hoạch giáo dục năm học độ tuổi mẫu giáo 5-6 tuổi

Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất		
a) Phát triển vận động		
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1	1. Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	Hoạt động học: Các động tác phát triển hô hấp: + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. - Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Các động tác phát triển cơ bụng, lưng: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Các động tác phát triển cơ chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		
MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây.	Hoạt động học: - Đi và chạy: + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyê gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi nói bàn chân tiến, lùi. + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh. - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m.

		- Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. (2m x 0,25m x 0,35m).
MT3	2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.	Hoạt động học: - Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Đi và đập bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.
MT4	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	Hoạt động học: - Chạy 18m trong khoảng 10 giây. - Chạy theo hướng thẳng 18m không hạn chế thời gian. - Chạy theo hướng thẳng 18m trong khoảng 7 - 10giây - Chạy thay đổi tốc độ 150m theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng 150m theo hiệu lệnh. - Chạy chậm 120 -150m. - (Không có biểu hiện quá mệt mỏi sau khi hoàn thành đường chạy)
MT5	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.	Hoạt động học: + Chạy 18m trong khoảng 10 giây. - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m. + Bò đích dắc qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.
MT6	- Trẻ biết chạy 18m trong khoảng thời gian 5 -7 s. (CS 12) - Trẻ có thể chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.(CS13)	Hoạt động học: Chạy theo hướng thẳng 18m không hạn chế thời gian. - Chạy theo hướng thẳng 18m trong khoảng 7 - 10giây - Chạy thay đổi tốc độ 150m theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng 150m theo hiệu lệnh. - Chạy chậm 120 -150m. - (Không có biểu hiện quá mệt mỏi sau khi hoàn thành đường chạy) - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.

		- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.
MT7	- Trẻ biết nhảy xuống từ độ cao 40 cm.(CS2)	Hoạt động học: - Nhảy từ trên cao 40 – 50cm xuống(bật sâu). + Bật (nhảy) qua vật cản 15 – 20cm. - Bật tách chân, chụm chân - Bật từ trên cao xuống.
MT8	- Trẻ biết bò qua 5,6 điểm đích dắc cách nhau 1,5 m đúng yêu cầu.	Hoạt động học: - Bò theo đường zích zắc
MT9	- Trẻ có thể: Tham gia các hoạt động học tập không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30p.(CS14)	Hoạt động học: - Tổ chức hoạt động chung - không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp, ngủ gật, ... trong khoảng 30 phút - Thường xuyên giữ được tập trung chú ý và tham gia vào hoạt động tích cực
MT10	- Trẻ biết nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.(CS9)	Hoạt động học: - Nhảy lò cò theo ý thích - Nhảy lò cò theo yêu cầu của cô (ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu)
MT11	- Trẻ biết trèo, lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.(CS4)	Hoạt động học: + Trèo lên xuống ghế thể dục. + Trèo lên, xuống liên tục 7 gióng thang (độ cao 1,5 m so với mặt đất)
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt		
MT12	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).	Hoạt động học: - Cài và mở được hết các cúc áo - Tự mặc và cởi được quần - Tự xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa phéc mơ tuya - Cầm bút đúng bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa. - Tô màu đều, không chồm ra ngoài nét vẽ - Tô đồ theo nét vẽ, hình vẽ không chồm ra ngoài hình vẽ. - Vẽ hình và sao chép chữ cái, chữ số. - Ghép và dán hình - Cầm kéo bằng 3 ngón tay, cắt giấy theo hình trẻ thích và cắt theo yêu cầu của cô không làm rách

		giấy. - Đường cắt lượn sát theo nét vẽ - Bôi hồ đều - Các chi tiết không chồng lên nhau - Dán hình vào bức tranh phẳng phiu - Tập các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ: bẻ, nắn; lắp ráp, khâu, luồn, buộc dây... - Khâu hạt lỗ nhỏ, cài-cởi nút, kéo khoá, vo, miết, vụn, véo, gấn, nối, thắt buộc
MT13	3.1. Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	Hoạt động học: - Bẻ, nắn. - Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét.
MT14	- Tổ chức hoạt động chung - không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp, ngủ gật, ... trong khoảng 30 phút - Thường xuyên giữ được tập trung chú ý và tham gia vào hoạt động tích cực	Hoạt động học: - Cầm kéo bằng 3 ngón tay, cắt giấy theo hình trẻ thích và cắt theo yêu cầu của cô không làm rách giấy. - Đường cắt lượn sát theo nét vẽ
MT15	- Trẻ biết tự mặc và cởi được áo. (CS5)	Hoạt động khác: - Mặc áo đúng cách, 2 tà không bị lệch nhau. - Cài và mở được hết các cúc áo - Tự mặc và cởi được quần - Tự khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa phéc mơ tuya
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
MT16	1.1. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	Hoạt động học: - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
MT17	1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm,	Hoạt động học: - Biết được thức ăn đó được chế biến từ thực phẩm nào? Thực phẩm đó thuộc nhóm nào. Món ăn ưa thích - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong

	nấu cháo...	chế biến một số món ăn, thức uống.
MT18	1.3. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	Hoạt động học: - Kể được một số thức ăn, nước uống có hại, có mùi hôi/ chua/có màu lạ. Ví dụ: các thức ăn ôi thiu, nước lã, rau quả chưa rửa sạch. Không ăn uống những thức ăn đó. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
MT19	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.	Hoạt động học: - Trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh: + Tự rửa tay bằng xà phòng. + Rửa gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt áo/quần. + Rửa sạch: tay sạch không có mùi xà phòng. - Các kĩ năng tự phục vụ trước, trong và sau khi ăn: rửa tay bằng xà phòng, vẩy vòi nước,.... - Hành vi văn hóa khi ăn uống: cầm thìa, bát, cách ăn,.sắp xếp bàn ăn... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
MT20	2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	Hoạt động học: - Cầm bát thìa đúng cách - Tự cầm cốc uống nước - Xúc cơm ăn thành thạo - Hành vi văn hóa khi ăn uống: cầm thìa, bát, cách ăn,.sắp xếp bàn ăn...
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
MT21	3.1. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	Hoạt động học: - Hành vi thói quen văn minh trong ăn uống, lễ phép mời cô và các bạn - Ăn đa dạng các loại thức ăn - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Ăn chín, uống sôi
MT22	3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra	Hoạt động học: - Vệ sinh răng miệng: + Tự chải răng rửa mặt. + Gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt áo/quần. + Sạch: Không còn xà phòng

	nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.	- Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Lấy tay che miệng, quay đầu ra phía sau, hoặc hơi cúi đầu xuống thấp khi có phản ứng ho, hắt hơi, ngáp... - Trẻ có nề nếp thói quen nề nếp khi đi vệ sinh; đi đúng nơi quy định dành riêng cho bạn trai, bạn gái. Sử dụng đồ dùng vệ sinh - Các quy định của lớp: Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.
MT23	- Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng	Hoạt động khác: - Chải tóc, vuốt tóc khi bù, rối. - Xóc lại quần áo khi bị xô xệch, sau khi ngủ dậy, sau khi đi vệ sinh..
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
MT24	4.1. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	Hoạt động khác: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
MT25	4.2. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	Hoạt động khác: - Phân biệt nơi bẩn và sạch. - Phân biệt nơi nguy hiểm (hồ, ao, sông, suối, vực, ổ điện...) và nơi không nguy hiểm - Chơi ở nơi sạch và an toàn.
MT26	4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc, -Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	Hoạt động khác: - An toàn trong khi ăn, uống. - Uống thuốc khi được bác sỹ hoặc bố mẹ, cô giáo cho uống - Phân biệt thức ăn sạch, bẩn, ôi thiu, lá, quả lạ, độc - Khi được hỏi về tác hại của thuốc lá, trẻ trả lời thuốc lá có hại, độc; Tỏ thái độ không đồng tình; Tránh chỗ có người hút thuốc.
MT27	4.4. Nhận biết được một số	Hoạt động khác:

	trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	- Khi gặp nguy hiểm (bị ngã, bị đánh, bị thương, chảy máu...): Kêu cứu/gọi người lớn/nhờ bạn gọi người lớn/hành động tự bảo vệ - Tìm hiểu các tình huống khi được người lạ cho quà khi không được bố mẹ, cô giáo cho phép. Người lạ cho quà phải hỏi người thân. Người lạ rủ đi thì không theo - Địa chỉ gia đình, số điện thoại bố mẹ, người thân
MT28	4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	Hoạt động khác: - Các quy định của trường, lớp mầm non - Không đi chơi một mình - Các quy định an toàn khi tham gia giao thông
MT29	- Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc	Hoạt động khác: - Khi được hỏi về tác hại của thuốc lá, trẻ trả lời thuốc lá có hại, độc - Tỏ thái độ không đồng tình - Tránh chỗ có người hút thuốc.
5. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi		
MT30	- Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: + Cân nặng: . Trẻ trai: 15,9 – 27,1 kg . Trẻ gái: 15,3 – 27,8 kg + Chiều cao: . Trẻ trai: 106,1 – 125,8 cm . Trẻ gái: 104,9 – 125,4 cm	Hoạt động khác: - Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu của trẻ theo độ tuổi. - Khám sức khỏe định kỳ theo qui định. - Cân đo theo định kỳ. - Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ trên biểu đồ chính xác.
II. Giáo dục phát triển nhận thức		
a) Khám phá khoa học		
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		

MT31	1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	Hoạt động học: - Mưa có từ đâu? - Đặt câu hỏi cho trẻ trong các hoạt động, đưa các tình huống có vấn đề để trẻ tích cực đặt câu hỏi về những sự vật hiện tượng
MT32	1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	Hoạt động học: - Quan sát nhóm cây cối, con vật.... qua các hình ảnh trực quan - Tìm hiểu đặc điểm, lợi ích, và tác hại của động vật, thực vật, cây, hoa, quả... - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.
MT33	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	Hoạt động học: - Làm sách biểu thị các hoạt động của cơ thể - Thử nghiệm gieo hạt. - Thí nghiệm trồng cây được tưới nước, cây thiếu nước, cây thiếu không khí, cây thiếu ánh sáng, ghi nhật kí theo dõi và so sánh sự phát triển. - Thí nghiệm vật nổi vật chìm trong nước - Làm thí nghiệm nước ở trạng thái rắn, lỏng, khí - Xem clip vòng tuần hoàn của nước
MT34	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	Hoạt động học: - Làm sách biểu thị các hoạt động của cơ thể - Trò chơi: Hoa nào quả nấy; Tìm lá cho hoa... - Trò chơi: Hãy tìm người khác biệt; Ai không giống tôi; Thử tài của bé - Làm sách: Vật chìm vật nổi; Bốn mùa quanh em; Sự bốc hơi của nước; Sự ngưng tụ của nước.....
MT35	1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	Hoạt động học: - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật, PTGT... và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật, PTGT... theo 2 - 3 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
MT36	2.2. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	Hoạt động học: - Khả năng và mong muốn của tôi và bạn

MT37	2.2. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	Hoạt động khác: - Khả năng và mong muốn của tôi và bạn
MT38	2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	Hoạt động học: - Trẻ giải thích một số quan hệ nguyên nhân kết quả - Mối quan hệ của động vật, thực vật, phương tiện giao thông, nghề nghiệp...với biến đổi khí hậu và thiên tai
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
MT39	3.1. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	Hoạt động học: - Các bộ phận của cơ thể, chức năng và hoạt động của chúng. - Đồ chơi trong ngày Tết Trung Thu của bé - Tôi lớn lên như thế nào? - Bé đi du lịch bằng phương tiện nào? - Một số loại cây - Nước có ở khắp nơi - Bé làm gì để giữ cho nguồn không khí trong sạch - Động vật sống ở khắp mọi nơi
MT40	3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	Hoạt động học: - Có cách thực hiện một nhiệm vụ khác hơn so với chỉ dẫn cho trước mà vẫn đạt được kết quả tốt đỡ tốn thời gian... - Làm ra sản phẩm tạo hình không giống cách các bạn khác làm. - Tự vận động minh họa, múa sáng tạo khác hợp lý nhưng khác với hướng dẫn của cô. - Múa, minh họa theo bài hát. - Tham gia làm đồ dùng đồ chơi tự tạo cùng cô, tham gia hoạt động tạo hình - Các hoạt động trải nghiệm qua phương pháp giáo dục tiên tiến Montessori , stem, Reggio Emilia...
MT41	Trẻ có hiểu biết về an toàn giao thông	Hoạt động học: - Một số dịch vụ khi tham gia giao thông: Đi ô tô, xe buýt phải mua vé; Nhường ghế cho người già, em bé - Quy định đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông - Sự nguy hiểm/ hậu quả khi không tuân thủ quy

		định về giao thông - Tích hợp nội dung GD ATGT
MT42	Trẻ được tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến	Hoạt động học: - Các hoạt động trải nghiệm qua phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ - Các hoạt động trải nghiệm, khám phá
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
1. Nhận biết số đếm, số lượng		
MT43	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	Hoạt động học: - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Đếm từ 0 đến 10: đếm xuôi, đếm ngược.
MT44	1.3. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	Hoạt động học: - So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong PV 10. - Tìm 3 nhóm đồ vật có số lượng không bằng nhau. Lấy 3 nhóm đồ vật, đồ chơi có số lượng không bằng nhau theo yêu cầu. Xếp tương ứng, so sánh 2,3 nhóm số lượng. Làm bài tập so sánh: Tô màu nhóm đồ chơi có số lượng nhiều hơn (ít hơn, bằng nhau). Cho đồ vật, đồ chơi vào 2,3 hộp (túi) dự đoán và so sánh số lượng, nêu kết quả.
MT45	1.4. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	Hoạt động học: - Thêm bớt tạo sự bằng nhau của các nhóm đối tượng - Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 10 và đếm.
MT46	1.5. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	Hoạt động học: - Tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 10 thành 2 phần bằng các cách và đếm.
MT47	1.6. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	Hoạt động học: - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
MT48	1.7. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Hoạt động học: - Ứng dụng số lượng, chữ số, số thứ tự vào cuộc sống hàng ngày (số nhà, điện thoại, giá tiền, biển số xe, số gọi cảnh sát, cấp cứu, báo cháy,...).
2. Sắp xếp theo qui tắc		
MT49	2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	Hoạt động học: - Phát hiện quy tắc sắp xếp và xếp tiếp theo quy tắc.

		- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tìm chỗ không đúng quy tắc, khiếm khuyết hoặc bất hợp lý. - Phát hiện và làm theo quy luật đơn giản. - Xếp theo trình tự hợp lý (4-5 đối tượng).
MT50	2.2. Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	Hoạt động học: - Tự xếp ra qui tắc riêng và nói ra qui tắc sắp xếp đó. - Nhận ra qui tắc sắp xếp của đối tượng/của con số và tiếp tục theo qui tắc đó. - Chọn đối tượng để sắp xếp vào vị trí còn bỏ trống cho đúng qui tắc. - Ghép thành cặp các đối tượng có mối liên quan Hoạt động khác: - Sưu tầm các trang phục, đồ dùng có các cách sắp xếp khác nhau (theo quy tắc) - Trò chơi: ghép tranh, tìm đúng hình, thi xếp nhanh, xếp giống mẫu, dây số lặp lại, ai nhanh nhất, bé sáng tạo, xếp tháp...
MT51	2.3. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	Hoạt động học: - Sáng tạo mẫu và sắp xếp theo ý thích. - Phát hiện đối tượng sắp xếp không theo qui tắc (phát hiện chỗ sai).
3. So sánh hai đối tượng		
MT52	3. Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	Hoạt động học: - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
MT53	- Trẻ biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.(CS115)	Hoạt động học: - Nhận ra sự khác biệt của một đối tượng trong nhóm so với những cái khác. - Giải thích đúng khi loại bỏ đối tượng khác biệt đó
4. Nhận biết hình dạng		
MT54	4. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	Hoạt động học: - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.

		- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. Hoạt động khác: - Tạo hình cơ bản bằng các cách khác nhau: căng dây chun, nôi chấm, xếp que...Làm bài tập nôi đồ vật có dạng khối tương ứng, quan sát và tập gấp các hình có sẵn để tạo thành khối, chọn đúng các hình để xếp được thành khối theo yêu cầu, sờ và chọn đúng khối.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT55	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	Hoạt động học: - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - Phía sau; phía trên - Phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
MT56	5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	Hoạt động học: - Gọi tên các thứ trong tuần. - Các mùa trong năm - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. Hoạt động khác: - Trò chơi: Bốn mùa quanh em; Nhìn hình ảnh đoán mùa...
MT57	- Trẻ nói được ngày trên lược lịch và giờ trên đồng hồ	Hoạt động học: - Lịch của trẻ: Quan sát, tìm hiểu các chữ số trên lịch, và ý nghĩa của chúng. - Đồng hồ số học: Quan sát, tìm hiểu, gọi tên các chữ số trên giờ, Tìm hiểu, làm quen với cách xem giờ của một số loại đồng hồ
c) Khám phá xã hội		
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT58	1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	Hoạt động học: - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. Hoạt động khác:

		- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
MT59	1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. - Gia đình của bé - Địa chỉ gia đình... - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Ngôi nhà nơi tôi ở - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
MT60	1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Quan sát lớp học, trường mầm non, Tượng đài liệt sĩ, trường tiểu học, trạm y tế phường, UBND phường. - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
MT61	1.5. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.
MT62	1.6. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
MT63	1.1. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
MT64	2. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa	Hoạt động học: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống

	gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”	của địa phương. Hoạt động khác: - Tập đóng vai cô bác làm một số nghề phổ biến quen thuộc.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
MT65	3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”.	Hoạt động học: - Ngày tháng, ý nghĩa của một số ngày lễ lớn trong năm: + Ngày 20/11 là ngày Nhà giáo việt Nam + Ngày 22/12 là ngày TLQĐNDVN + Ngày Tết Nguyên đán + Ngày 19/5 ngày sinh nhật Bác Hồ - Hoạt động diễn ra để kỷ niệm những ngày lễ lớn. Hoạt động khác: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.
MT66	3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	Hoạt động học: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
1. Nghe hiểu lời nói		
MT67	1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.	Hoạt động học: - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
MT68	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).	Hoạt động học: - Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.
MT69	1.3. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	Hoạt động học: Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận , chia

		sẽ kinh nghiệm với bạn
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
MT70	2.1. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	Hoạt động học: - Kể rành mạch về sự vật, hiện tượng, con người - Kể câu chuyện về sự vật đã xảy ra gần gũi xung quanh. - Kể chuyện cho trẻ nghe - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Kể lại sự việc theo trình tự. - Kể chuyện sang tạo: kể theo tranh, về đồ vật, mô hình, thay đổi nhân vật, tính cách, tình tiết, thêm nhân vật.....trong chuyện có sẵn, tự kết thúc chuyện..... - Kể lại sự việc, chuyện ngắn một cách mạch lạc.
MT71	- Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định.(CS70)	
MT72	2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, ... phù hợp với ngữ cảnh.	Hoạt động khác: - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Tự sử dụng đúng các loại câu: Câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định nghi vấn, mệnh lệnh phù hợp với tình huống - Nhận xét, đưa ra ý kiến của bản thân về sự vật hiện tượng nào đó khi được người lớn yêu cầu. - Thương thuyết, và thuyết phục người lớn, bạn bè khi có yêu cầu mong muốn nào đó. - Thuyết trình ý tưởng, phát biểu cảm nghĩ các tác phẩm nghệ thuật, đồ vật của bản thân, về người gần gũi...
MT73	2.3. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh, ...	Hoạt động khác: - Sử dụng các câu đơn, câu mở rộng, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh trong giao tiếp hàng ngày đầy đủ các thành phần câu tạo câu. Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh và đặt câu hỏi: Tại sao? Như thế nào?
MT74	2.4. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	Hoạt động khác: - Sử dụng từ biểu cảm, ngữ điệu, cử chỉ điệu bộ, nét mặt (phi NN) khi nói. - Danh từ, động từ, tính từ....phù hợp với câu nói. - Từ láy, từ cảm thán phù hợp với ngữ cảnh và câu nói mà trẻ truyền đạt (VD: Ô tô nhà bạn Lan đẹp ơi là đẹp!)

MT75	2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...	Hoạt động học: - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
MT76	2.6. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	Hoạt động học: - Kể chuyện cho trẻ nghe - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Kể lại sự việc theo trình tự. - Kể chuyện sáng tạo: kể theo tranh, về đồ vật, mô hình, thay đổi nhân vật, tính cách, tình tiết, thêm nhân vật.....trong chuyện có sẵn, tự kết thúc chuyện..... - Kể lại sự việc, chuyên ngắn một cách mạch lạc. - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Kể lại sự việc theo trình tự.
MT77	2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	Hoạt động học: - Đóng kịch.
MT78	2.8. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	Hoạt động khác: - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Trẻ chủ động sử dụng các câu: Cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt... trong các tình huống phù hợp không cần người lớn nhắc nhở
MT79	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	Hoạt động học: - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
3. Làm quen với đọc, viết		
MT80	3.1. Chọn sách để “đọc” và xem.	Hoạt động khác: - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - ""Đọc"" truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.
MT81	3.2. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	Hoạt động học: - Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ có thể nói được nội dung mà tranh minh họa - Nói được thứ tự của sự việc từ các bức tranh và có thể kể được nội dung chính của câu truyện qua tranh vẽ
MT82	3.3. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống	Hoạt động khác: - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:

	dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
MT83	3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	Hoạt động khác: - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Nhận dạng các chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.
MT84	3.5. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	Hoạt động học: - Nhận dạng các chữ cái. - Quan sát, phát hiện chữ cái ở môi trường xung quanh
MT85	3.6. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	Hoạt động học: - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Hướng viết của chữ (như đọc), quy trình viết 1 chữ cái. Cầm bút, ngồi học đúng tư thế.
MT86	- Trẻ biết “Viết” tên của bản thân theo cách của mình	Hoạt động khác: - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Đọc và viết được tên của mình. - Tự viết tên của bản thân trong các đồ dùng sinh hoạt cá nhân
MT87	- Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.(CS75)	Hoạt động khác: - Để sách vào đúng nơi qui định. - Vuốt phẳng các trang sách, giở sách nhẹ nhàng, không xé, vẽ bậy vào sách vở... - Cất và giữ gìn sách khi không còn sử dụng đến quyển sách đó.
MT88	- Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống.(CS76)	Hoạt động khác: - Nhận biết các kí hiệu của bản thân: Khăn mặt, ngăn tủ đựng đồ, cốc uống nước,... - Nhận biết các kí hiệu về thời tiết. - Nhận biết một số biển báo giao thông đơn giản, quen thuộc.
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội		
1. Thể hiện ý thức về bản thân		
MT89	1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Một số quy định ở lớp, gia đình - Trục nhật - Kê bàn ghế, lấy bát thìa trong bữa ăn
MT90	1.1. Nói được họ tên, tuổi,	Hoạt động học:

	giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Tên, tuổi, giới tính, Sở thích, khả năng của bản thân. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. - Tên bố mẹ và các thành viên trong gia đình. + Số điện thoại của bố mẹ.
MT91	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	Hoạt động khác: - Sở thích, khả năng của bản thân. - Chấp nhận các sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác - Không chê bai bạn
MT92	1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	Hoạt động học: - Nhận biết, phân biệt quần áo của bạn trai bạn gái. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Nhận ra được một số hành vi ứng xử cần có, Sở thích có thể khác nhau giữa bạn trai và bạn gái VD: bạn gái cần nhẹ nhàng trong khi nói, đi đứng, bạn trai cần phải giúp đỡ các bạn gái bê bàn xách các đồ nặng ...bạn trai thích chơi đá bóng, bạn gái thích chơi búp bê ... - Thường thể hiện các hành vi ứng xử phù hợp, lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính, gái ngồi khép chân khi mặc váy, không thay quần áo nơi đông người, bạn trai mạnh mẽ sẵn sàng giúp đỡ bạn gái khi bê đồ vật nặng - Kỹ năng giao tiếp có văn hóa (nói lời chào với cô giáo và bạn bè, nói lời tạm biệt với cha / mẹ / người thân).
MT93	1.4. Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	Hoạt động khác: - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT94	2.1. Tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	Hoạt động khác: - VS cá nhân, tự thay quần áo, Xếp quần áo, giày dép, xúc ăn, tự bỏ chén, muỗng, ly sau khi ăn vào xô theo từng loại, dọn dẹp đồ chơi cất đúng chỗ.
MT95	2.2. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	Hoạt động khác: - Vui vẻ nhận được công việc được giao mà

		không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối - Nhanh chóng triển khai công việc. - Không chần chừ, phân tán trong quá trình thực hiện hoặc bỏ dở công việc. - Hoàn thành công việc được giao - Thực hiện một số quy tắc, quy định. (Để đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định; tập trung vào nghe và làm theo hướng dẫn của giáo viên)
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT96	3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	Hoạt động học: - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
MT97	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	Hoạt động học: - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
MT98	3.3. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	Hoạt động học: - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. - An ủi người thân, bạn bè khi họ ốm mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, hoặc cử chỉ. - Chúc mừng bạn, người thân nhân ngày sinh nhật. - Hoan hô, cổ vũ...khi bạn chiến thắng trong cuộc thi nào đó - Quan tâm đến bạn bè: Trong lúc điếm danh nếu có một trẻ vắng mặt do bệnh tật: dạy cho trẻ động viên, đến thăm / nếu bạn đi du lịch - hãy vui mừng, vui vẻ khi bạn quay trở về
MT99	3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	Hoạt động học: - Kính yêu Bác Hồ. - Xem tranh ảnh về Bác Hồ, tranh ảnh về một số địa điểm gắn liền với hoạt động của Bác (Nơi Bác sống và làm việc, nơi tưởng niệm Bác....(Làng Sen, bến Nhà Rồng, hang Pác Pó...))
MT100	3.5. Thể hiện tình cảm đối	Hoạt động học:

	với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Hát múa, đọc thơ, kể chuyện về Bác Hồ
MT101	3.6. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	Hoạt động học: - Trò chuyện về di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội và một vài nét văn hoá truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước - Trẻ nhận ra được cái đẹp trong cuộc sống và thiên nhiên.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT102	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	Hoạt động học: - Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào đúng nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép...
MT103	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Hoạt động học: - Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn - Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà. - Ăn năn, áy náy, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi, nói lời xin lỗi. - Không nói hoặc bắt chước lời nói tục trong bất cứ hoàn cảnh nào
MT104	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	Hoạt động học: - Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt - Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác. - Đặt câu hỏi khi người khác đã nói xong
MT105	4.4. Biết chờ đến lượt.	Hoạt động học: - Xếp hàng rửa tay, rửa mặt. - Chờ đến lượt trong giờ thể dục, kiên nhẫn trong các hoạt động vui chơi.
MT106	4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	Hoạt động học: - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Trao đổi ý kiến và thảo luận với các bạn; chia sẻ, hợp tác - Chia sẻ niềm vui, nỗi buồn cùng bạn. - Trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm.

		- Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn - Xem hay lắng nghe lẫn nhau, lần lượt hát, chia sẻ kinh nghiệm. chia sẻ với bạn ý tưởng tạo hình, nguyên vật liệu, ... - Nhận biết một số quy tắc như thu dọn đồ dùng khi vẽ, nặn xong, ... - Cùng nhau vẽ một bức tranh chung.
MT107	4.6. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	Hoạt động học: - Tập kiểm chế. Kiểm chế những hành vi tiêu cực. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - Đối phó với sự thất vọng và giận dữ. - Giải quyết xung đột - Đề nghị người lớn hoặc bạn giúp đỡ khi gặp khó khăn. - Tìm sự hỗ trợ của người lớn, hoặc cộng đồng. - Yêu mến, nhường nhịn khi chơi cùng các bạn.
MT108	- Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.(CS 55)	Hoạt động khác: - Đề nghị người lớn hoặc bạn giúp đỡ khi gặp khó khăn. - Tìm sự hỗ trợ của người lớn, hoặc cộng đồng.
MT109	- Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác, (CS53)	Hoạt động khác: - Nhận xét đúng về việc làm của mình, người thân và bạn bè. Những việc làm của bé khiến cho người khác vui (buồn)? (ví dụ: Nếu con ngoan mẹ con sẽ rất vui, nếu con đánh em mẹ con sẽ buồn...)
MT110	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp.(CS73)	Hoạt động học: - Nói đủ nghe, không nói quá to, không nói lý nhí. Nói nhỏ trong giờ ngủ, nơi công cộng... - Nói với tốc độ và giọng điệu thích hợp
5. Quan tâm đến môi trường		
MT111	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	Hoạt động học: - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Phân loại rác thải
MT112	5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	Hoạt động khác: - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi ""đúng"" "Sai" "Tốt" "Xấu" về môi trường - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
MT113	5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước	Hoạt động khác: - Thực hành tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi

	sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	nước sau, khi dùng, không để thừa thức ăn: Làm bài tập và tình huống thực tế. - Tham gia tích cực các hoạt động trong chế độ sinh hoạt 1 ngày - Dạy trẻ biết tiết kiệm thức ăn, ăn hết xuất. Biết nhặt cơm vãi bỏ vào đĩa - Tiết kiệm điện, nước.
MT114	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Hoạt động học: - Yêu quý, chăm sóc, bảo vệ cây, con vật. - Quan tâm hỏi han về cách chăm sóc con vật quen thuộc

V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

MT115	1.1. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Hoạt động học: - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT116	1.2. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	Hoạt động học: - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
MT117	1.3. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Quan sát các tác phẩm nghệ thuật - Thăm quan phòng triển lãm tranh ảnh, hội họa - Trải nghiệm các hoạt động ngoài trời

2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

MT118	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	Hoạt động học: - Trẻ hát đúng lời, đúng giai điệu, thể hiện sắc thái, tình cảm của một số bài hát trẻ em đã được học
MT119	2.2. Vận động nhịp nhàng	Hoạt động học:

	phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - Thể hiện nét mặt, động tác vận động phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc: Dậm, vỗ, lắc, nhún, nhảy, uốn lượn, múa, khiêu vũ hiện đại. - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.
MT120	2.3. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	Hoạt động học: - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích - Sử dụng nguyên vật liệu tạo hình đa dạng (màu nước, sáp bút chì, thiên nhiên...) - Các hoạt động trải nghiệm qua phương pháp giáo dục tiên tiến Montessori , stem, Reggio Emilia vào tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ
MT121	2.4. Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Hoạt động học: - Cách sử dụng màu, pha màu từ các màu cơ bản, màu trắng đen. . Phân biệt sắc thái màu: đậm nhạt, nóng lạnh. . Tự chọn màu cho nền, hình. . Bố cục (ước lượng xa-gần, trái-phải, trên-dưới), kích thước, hình dáng, đường nét cân đối. . Tô màu: Tô đậm nhạt, chọn màu tô.
MT122	2.5. Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Hoạt động học: • Cắt : Tập cầm kéo cắt trên giấy, cắt dọc,thẳng: cắt hình từ băng giấy để tạo hình(vuông, chữ nhật, tam giác...) • Xé: xé vụn, xé theo đường thẳng, xé tua, dải to-nhỏ, cong, theo hình vẽ sẵn, theo trí tưởng tượng-ước lượng (buồm...) • Dán: Phết, chấm hồ vừa đủ, dán vào hình nền có sẵn, ước lượng vị trí dán, chọn hình có sẵn để dán thành hình mới, tạo hình (hoa, quả..) từ những mảnh xé.
MT123	2.6. Phối hợp các kỹ năng nặn	Hoạt động học:

	để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục - Chia đất cân đối, vo tròn, bóp, ấn, ngắt, lăn, lăn dài, uốn cong, miết, gắn, kéo dài, gắn. Thêm các chi tiết vào hình nặn. Đặt sản phẩm vững trên bề mặt.
MT124	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	Hoạt động học: - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục - Phát biểu cảm nhận của bản thân khi quan sát các tác phẩm nghệ thuật - Chơi với các sản phẩm làm từ các nguyên vật liệu thiên nhiên.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
MT125	3.1. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	Hoạt động học: - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Tạo ra nhạc cụ từ các nguyên liệu khác nhau. Làm quen nhạc cụ dân tộc và nước ngoài. Biểu diễn những bài đã học. Tập đặt lời mới cho bài hát quen thuộc. Giao lưu âm nhạc.
MT126	3.2. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	Hoạt động học: - Làm quen một số nhạc cụ quen thuộc. Luyện kỹ năng biểu diễn trên sân khấu. Tạo ra nhạc cụ từ các nguyên liệu khác nhau. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
MT127	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Hoạt động học: - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.
MT128	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	Hoạt động học: - Đặt tên cho sản phẩm của mình.

THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN
NĂM HỌC 2022 - 2023
ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 5-6 TUỔI : GỒM 11 CHỦ ĐỀ
Phân phối chương trình 35 tuần: Từ ngày 05/09/2022 – 19/5/2023

TT	Tên chủ đề	Số tuần / chủ đề	Tuần	Số ngày/ tuần thực hiện	Các sự kiện
1	Trường Mầm non	3	Tuần 1	05/9 - 9/9/2022	<i>Trung Thu (15/8 âm lịch)</i> <i>ngày 10/9</i> <i>(Thứ 7)</i>
			Tuần 2	12/9 - 16/9/2022	
			Tuần 3	19/9 - 23/9/2022	
2	Bản thân	3	Tuần 4	26/9 - 30/9/2022	
			Tuần 5	03/10 - 7/10/2022	
			Tuần 6	10/10 - 14/10/2022	
3	Gia đình	4	Tuần 7	17/10 - 21/10/2022	<i>Ngày thành lập HLHPN</i> <i>Việt Nam ngày 20/10</i> <i>(Thứ 5)</i>
			Tuần 8	24/10 - 28/10/2022	
			Tuần 9	31/10 - 04/11/2022	
			Tuần 10	7/11 - 11/11/2022	
4	Nghề nghiệp	4	Tuần 11	14/11 - 18/11/2022	<i>Ngày nhà giáo Việt Nam:</i> <i>20/11 (Chủ nhật)</i>
			Tuần 12	21/11 - 25/11/2022	
			Tuần 13	28/11 - 02/12/2022	
			Tuần 14	05/12 - 9/12/2022	
5	Giao thông	4	Tuần 15	12/12 - 16/12/2022	<i>- Ngày thành lập QĐNDVN</i> <i>22/12 (Thứ 5)</i> <i>- Kết thúc HK I: Ngày</i> <i>06/01/2023</i>
			Tuần 16	19/12 - 23/12/2022	
			Tuần 17	26/12 - 30/12/2022	
			Tuần 18	02/01/2023 - 06/01/2023	
6	Tết và mùa xuân	3	Tuần 19	09/1-13/1/2023	<i>- Ngày 09/01/2023: Bắt đầu HKII</i>
Ngỉ tết Nguyên đán từ ngày 16/01 - 27/01/2023					

			Tuần 20	30/01 - 03/02/2023	- Khai hội chùa Ba Vàng, khai hội chùa Yên Tử
			Tuần 21	06/02 - 10/02/2023	
7	Thế giới thực vật	4	Tuần 22	13/02 - 17/02/2023	Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 (Thứ 4)
			Tuần 23	20/02 - 24/03/2023	
			Tuần 24	27/02 - 03/03/2023	
			Tuần 25	06/03 - 10/03/2023	
8	Thế giới động vật	4	Tuần 26	13/03 - 17/03/2023	
			Tuần 27	20/3 - 24/03/2023	
			Tuần 28	27/3 - 31/3/2023	
			Tuần 29	03/04 - 07/04/2023	
9	Nước và một số HTTN	2	Tuần 30	10/04 - 14/04/2023	
			Tuần 31	17/4 - 21/4/2023	
10	Quê hương, đất nước, Bác Hồ	2	Tuần 32	24/04 - 28/4/2023	Giỗ Tổ Hùng Vương 10/3/2022 âm lịch (29/4 – Thứ 7) Nghỉ Lễ 30/4 (Chủ nhật), Nghỉ lễ 1/5 (Thứ hai)
			Tuần 33	1/5/2023-5/5/2023	
11	Trường tiểu học	2	Tuần 34	8/5/2023- 12/5/2023	- Kết thúc học kỳ II: 19/5/2022 (Thứ 6)
			Tuần 35	15/5/2023-19/5/2023	
				22/5/2023-24/5/2023	

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG PHÊ DUYỆT
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thanh Huyền

Phương Nam, ngày 30 tháng 8 năm 2022
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Bùi Phi Nga

